

Ngày nộp tờ khai:

...../...../.....

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

[01] Kỳ kê khai:.....(tháng).....(năm)

[02] Mã số thuế		Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam	
[03] Tên cơ sở kinh doanh:			
[04] Địa chỉ trụ sở:		[05] Quận/huyện:	
[06] Tỉnh/ Thành phố:		[07] Điện thoại:	
[08] Fax:		[09] E-Mail:	
Không có hoạt động mua, bán phát sinh trong kỳ (dánh dấu "X")		[10]	
Thuế Giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang:		[11]	
Hàng hóa dịch vụ mua vào trong kỳ		Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào (chưa có thuế GTGT)	
Trong đó: + Nhập khẩu		Thuế GTGT	
+ Tài sản cố định		[12]	
Hàng hóa dịch vụ mua vào chịu thuế GTGT		[13]	
Thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào khấu trừ trong kỳ		[14]	
Điều chỉnh tăng (giảm) thuế GTGT đã được khấu trừ các kỳ trước:		[15]	
+ Điều chỉnh tăng		[16]	
+ Điều chỉnh giảm		[17]	
Tổng số thuế GTGT được khấu trừ [32]=[11] +[29] + [30] - [31]		[25]	
Hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ: [18]=[19]+[20] +[21]+ [22];		[26]	
Thuế GTGT của HHĐV bán ra trong kỳ: [33] = [34]+ [35]		[27]	
Hàng hóa dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT		[28]	
Hàng hóa dịch vụ xuất khẩu: 0%		[29]	
Hàng hóa dịch vụ bán ra thuế suất 5%		[30]	
Hàng hóa dịch vụ bán ra thuế suất 10%		[31]	
Điều chỉnh tăng (giảm) thuế GTGT đầu ra đã kê khai kỳ trước:		[32]	
+ Điều chỉnh tăng		[33]	
+ Điều chỉnh giảm		[34]	
Thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ ([38] = [33] +[36] - [37] - [32] >0)		[35]	
Thuế GTGT chưa khấu trừ lũy kế đến kỳ ([39]=[33] +[36] - [37] - [32] <0)		[36]	
Số thuế GTGT để nghị hoàn kỳ này		[37]	
Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau [41]=[39]- [40]		[38]	
PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ :		Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê.	
	, ngày.....thángnăm 200.....	
		Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)	

HƯỚNG DẪN LẬP TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

A. Một số quy định khi lập tờ khai thuế giá trị gia tăng:

1. "GTGT" là các ký tự viết tắt của từ "giá trị gia tăng".
2. CSKD là các ký tự viết tắt của từ "cơ sở kinh doanh".
3. Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tính là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế giá trị gia tăng.
4. Các số liệu ghi trên tờ khai không được ghi số âm (có dấu - đằng trước).

B. Hướng dẫn lập tờ khai thuế giá trị gia tăng:

1. Từ chỉ tiêu [01] đến chỉ tiêu [09]: CSKD ghi đúng kỳ kê khai thuế và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế. Nếu có thay đổi các thông tin từ chỉ tiêu [02] đến chỉ tiêu [09], CSKD phải thực hiện đăng ký thuế bổ sung với cơ quan thuế theo quy định hiện hành.
2. Chỉ tiêu [10] "Không có hoạt động mua, bán HHDV phát sinh trong kỳ": Nếu CSKD trong kỳ kê khai không có các hoạt động mua, bán hàng hóa dịch vụ thì đánh dấu "X" vào ô số 10 này, đồng thời không phải điền số liệu cho các chỉ tiêu trong kỳ (các chỉ tiêu [12], [13], [14], [15], [18], [19], [20], [21], [22], [25], [26], [27], [28], [29], [33], [34], [35]).
3. Chỉ tiêu [11] "Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang": Giá trị của chỉ tiêu này bằng ô số [41] của tờ khai kỳ trước.
4. Chỉ tiêu [12] "Hàng hóa dịch vụ mua vào trong kỳ": Là giá trị của hàng hóa dịch vụ mua vào trong kỳ chưa có thuế giá trị gia tăng và tương ứng là ô số [25] - thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng được tính khấu trừ và không được tính khấu trừ).
5. Chỉ tiêu [13] "hàng hóa nhập khẩu", [14] - "Tài sản cố định mua vào": Là các kê khai chi tiết cho các giá trị hàng hóa nhập khẩu, tài sản cố định mua vào chưa có thuế giá trị gia tăng và tương ứng là ô số [26], [27] - thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu, tài sản cố định nhập khẩu, mua vào. Cơ sở kinh doanh bỏ trống các chỉ tiêu này nếu không có các loại hàng hóa, dịch vụ mua vào như trên phát sinh trong kỳ kê khai.
6. Chỉ tiêu [15] "Hàng hóa, dịch vụ mua vào chịu thuế giá trị gia tăng": Là giá trị của hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng chưa có thuế giá trị gia tăng và tương ứng là ô [28] - Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào chịu thuế giá trị gia tăng (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng được tính khấu trừ và không được tính khấu trừ).
7. Chỉ tiêu [29]: "Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được tính khấu trừ" trong kỳ.

Trường hợp Cơ sở kinh doanh vừa sản xuất, kinh doanh mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng, vừa sản xuất, kinh doanh mặt hàng không chịu thuế giá trị gia tăng thì phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế và mặt hàng không chịu thuế. Trường hợp không hạch toán được riêng thì tính phân bổ theo tỷ lệ (%) giữa doanh số của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số của hàng hóa, dịch vụ bán ra.

8. Chỉ tiêu "Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ": được điều chỉnh cho những sai sót kỳ trước chưa phát hiện đã kê khai khấu trừ. Điều chỉnh tăng ghi vào ô số [30], điều chỉnh giảm ghi vào ô số [31]. Nếu điều chỉnh thuế giá trị gia tăng gắn với giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào thì điều chỉnh vào ô số [16], [17].

9. Chỉ tiêu [32] "Tổng số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ": $[32] = [11] + [29] + [30] - [31]$.

10. Chỉ tiêu [18] "Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ": $[18] = [19] + [20] + [21] + [22]$ và tương ứng ô số [33] thuế giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ được tính bằng công thức: $[33] = [34] + [35]$.

11. Chỉ tiêu [19] "Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng": Giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ không chịu thuế giá trị gia tăng.

12. Chỉ tiêu [20], [21], [22]: "Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chưa có thuế giá trị gia tăng" và tương ứng là ô số [34], [35]: thuế giá trị gia tăng tương ứng theo từng nhóm thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và 10%.

13. Chỉ tiêu: "Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng đầu ra cho các kỳ trước". Chỉ tiêu này để điều chỉnh cho những sai sót kỳ trước khi kê khai nộp thuế giá trị gia tăng chưa phát hiện ra. Điều chỉnh tăng ghi vào ô số [36], điều chỉnh giảm ghi vào ô số [37]. Nếu điều chỉnh thuế giá trị gia tăng gắn với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra thì điều chỉnh vào ô số [23], ô số [24]. Cơ sở kinh doanh có thể bỏ trống các chỉ tiêu này nếu không có điều chỉnh nào cho kê khai các kỳ trước.

Tính kết quả thuế giá trị gia tăng trong kỳ:

14. Chỉ tiêu [38] Thuế giá trị gia tăng phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ: $[38] = [33] + [36] - [37] - [32] > 0$.

15. Chỉ tiêu [39] Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này: $[39] = [33] + [36] - [37] - [32] < 0$.

16. Chỉ tiêu [40] số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn kỳ này: là số thuế giá trị gia tăng do cơ sở kinh doanh ghi tại công văn đề nghị cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế.

17. Chỉ tiêu [41] - "Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau" $[41] = [39] - [40]$.

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA
(KÈM THEO TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG)

(Dùng cho cơ sở tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp
 khấu trừ thuế kê khai hàng tháng)

(Tháng.....năm 200....)

Tên cơ sở kinh doanh:

Địa chỉ:

Mã số:

Hóa đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất	Thuế giá trị gia tăng	Ghi chú
Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		TỔNG CỘNG							

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Cách ghi:

- + Bảng kê bán hàng mở từng tháng, ghi theo trình tự thời gian.
- + Cột (5) mã số thuế của người mua: trường hợp người mua không có mã số thuế thì gạch ngang (-).
- + Đối với trường hợp bán lẻ hàng hóa có giá trị thấp dưới mức quy định phải lập hóa đơn, và người mua không yêu cầu cấp hóa đơn. Cơ sở kinh doanh căn cứ vào bảng kê bán lẻ hàng hóa (theo Mẫu số 06/GTGT) để tổng hợp các chỉ tiêu tương ứng và ghi vào bảng kê này.
- + Căn cứ vào số liệu trên bảng kê này, cơ sở tổng hợp, lập tờ khai thuế hàng tháng.

+ Trường hợp cơ sở vừa kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng và hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, căn cứ vào thuế giá trị gia tăng tổng hợp trên bảng kê của hàng hóa, dịch vụ mua vào Cơ sở tự tính toán phân bổ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được tính khấu trừ theo quy định để điền vào Bảng kê khai thuế hàng tháng. /.

(Thang..... năm 200....)

Mã số:

- Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:

- Người phụ trách thu mua:

[illegible]

- Tổng giá trị hàng hóa mua vào:

Ngày....tháng....năm 200....

Giám đốc cơ sở

(Ký tên, đóng dấu)

- Căn cứ vào số thực tế các mặt hàng trên mà đơn vị mua của người bán không có hóa đơn, lập bảng kê khai theo thứ tự thời gian mua hàng, cơ sở ghi đầy đủ các chỉ tiêu trên bảng kê, tổng hợp bảng kê hàng tháng. Hàng hóa mua vào lập theo bảng kê này được căn cứ vào chứng từ mua giữa người bán và người mua lập có ghi rõ số lượng, giá trị các mặt hàng mua, ngày, tháng mua, địa chỉ người bán, và ký nhận của bên bán và bên mua.

- Đối với cơ sở có tổ chức các trạm nơi thu mua ở nhiều nơi thì từng trạm thu mua phải lập từng bảng kê riêng. Cơ sở kinh doanh lập bảng kê tổng hợp chung của cơ sở.

(Tháng..... năm 200....)

(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng tháng)

Tên cơ sở kinh doanh:

Mã số:

Địa chỉ:

Chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Tên mặt hàng	Giá mua hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn	Ghi chú
Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày tháng năm phát hành					
1	2	3	4	5	6	7	8

Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào:

Ngày... tháng... năm 200...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, họ tên)

Cách ghi:

+ Lập Bảng kê từng tháng, ghi theo thứ tự chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ.

+ Cột số (5) mã số thuế của người bán: Trường hợp người bán không có mã số thuế gạch ngang.

BẢNG KÊ BÁN LẺ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

(Ngày... tháng..... năm 200...)

Mã số:

Downloaded from <http://ajph.org/>

Địa chỉ nơi bán hàng:.....

[illegible]

Tổng cộng tiền thanh toán:.....

Tổng số tiền (bằng chữ):.....

Người bán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

+ Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ dùng cho các cơ sở kinh doanh có bán lẻ hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện phải lập hóa đơn bán hàng. Hàng ngày, cơ sở kinh doanh phải lập bảng kê hàng hóa, dịch vụ bán lẻ làm căn cứ tính và kê khai thuế giá trị gia tăng hàng tháng.

+ Cơ sở kinh doanh căn cứ vào báo cáo bán hàng phân loại hàng hóa, dịch vụ bán lẻ theo từng nhóm hàng hóa có cùng thuế suất, tổng hợp doanh thu, tính thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ bán lẻ để tổng hợp vào Bảng kê Mẫu số 02/GTGT cho hàng hóa, dịch vụ bán lẻ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

tháng.... năm 200...

(Dùng cho cơ sở tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng và cơ sở kinh doanh vàng bạc, đá quý và ngoại tệ)

Tên cơ sở:

Mã số:

Địa chỉ:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng VN)
1	Hàng hóa tồn kho đầu kỳ	
2	Hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	
3	Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra	
4	Tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra	
5	Giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ($5 = 4 - 3$)	
6	Thuế giá trị gia tăng phải nộp ($6 = 5 \times \text{thuế suất} (\%)$)	

Xin cam đoan số liệu khai trên đây là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo, pháp luật.

Ngày... tháng... năm 200...

Người kê khai

Nơi gửi tờ khai:

- Cơ quan Thuế:

- Địa chỉ:

Yêu cầu kê khai:

- + Căn cứ vào sổ kế toán và chứng từ mua, bán hàng hóa, dịch vụ để kê khai.
- + Trường hợp cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có thuế suất khác nhau phải kê khai chi tiết hàng hóa, dịch vụ bán ra theo từng nhóm thuế suất, sau đó tổng hợp chung các loại hàng hóa, dịch vụ vào một bảng kê khai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

tháng....năm 200...

(Dùng cho cơ sở tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng,
giá trị gia tăng xác định theo tỷ lệ % tính trên doanh thu)

Tên cơ sở:.....

Địa chỉ:

Mã số:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng VN)
I	Thuế giá trị gia tăng	
1	Hàng hóa tồn kho đầu kỳ	
2	Hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	
3	Hàng hóa, dịch vụ mua ngoài tính trong giá trị hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra	
4	Tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra	
5	Tỷ lệ giá trị gia tăng trên doanh thu	
6	Giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ($6 = 4 * 5$)	
7	Thuế giá trị gia tăng phải nộp ($7 = 6 \times$ thuế suất (%))	
II	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
1	Doanh thu tính thuế	
2	Tỷ lệ % thu nhập chịu thuế tính trên doanh thu	
3	Thu nhập chịu thuế ($3 = 1 * 2$)	
4	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (%)	
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ($5 = 3 * 4$)	

Xin cam đoan số liệu khai trên đây là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo, pháp luật.

Ngày... tháng... năm 200...

Người kê khai

Nơi gửi tờ khai:

- Cơ quan Thuế:

- Địa chỉ:

Yêu cầu kê khai:

+ Căn cứ vào sổ kế toán và chứng từ bán hàng hóa, dịch vụ để kê khai.

+ Trường hợp cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có thuế suất khác nhau phải kê khai chi tiết hàng hóa, dịch vụ bán ra theo từng nhóm thuế suất, sau đó tổng hợp chung các loại hàng hóa, dịch vụ vào một bảng kê khai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

tháng.... năm 200...

(Dùng để kê khai thuế cho cơ sở sản xuất, kinh doanh
và xây dựng, lắp đặt kê khai tạm nộp thuế theo tỷ lệ %)

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Mã số:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng VN)
1	Tổng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ hoặc giá trị xây dựng, lắp đặt thực hiện	
2	Số thuế phải nộp ($= 1 \times 3\%$)	

Xin cam đoan số liệu khai trên đây là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách
nhiệm xử lý theo, pháp luật.

Ngày... tháng... năm 200...

Người kê khai

Nơi gửi tờ khai:

- Cơ quan Thuế:

- Địa chỉ:

TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Cục thuế:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

THÔNG BÁO NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

tháng.... năm 200....

(Lần thông báo.....)

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mã số:

Cấp:..... Chương:..... Loại:..... Khoản:.....

Căn cứ tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng.....năm.....của đơn vị, Cục thuế thông báo số tiền thuế giá trị gia tăng đơn vị phải nộp tháng này như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Thuế giá trị gia tăng
1	Số thuế kỳ trước chuyển qua	
a	Nộp thiếu	
b	Nộp thừa	
2	Số thuế phát sinh tháng này	
3	Cộng số thuế phải nộp tháng này	
4	Số thuế đã nộp trong tháng	
5	Số thuế được hoàn trả	
6	Số tiền phạt chậm nộp (nếu có)	
7	Tổng số tiền thuế, tiền phạt phải nộp	

Yêu cầu cơ sở nộp số tiền theo thông báo trên đây vào Kho bạc Nhà nước....., Tài khoản số:.....

Hạn nộp trước ngày... tháng... năm 200.....

Ngày... tháng... năm 200...

Cục trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này áp dụng để thông báo cho đối tượng nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng có kê khai.

Cục Thuế.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chi cục Thuế:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

THÔNG BÁO NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

kỳ nộp thuế.....năm 200...

(Lần thông báo.....)

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:

Mã số:

Cấp:..... Chương:..... Loại:..... Khoản:.....

Căn cứ vào doanh thu và tỷ lệ (%) giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu của cơ sở, Chi cục Thuế thông báo số tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đơn vị phải nộp của tháng.....năm.....như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tổng số
1	Số thuế nợ kỳ trước			
2	Số thuế phát sinh trong tháng			
3	Số thuế phải nộp tháng này (1+2)			
4	Số tiền phạt chậm nộp			
5	Tổng số tiền thuế, tiền phạt phải nộp (3 + 4)			
6	Tổng cộng			

Yêu cầu cơ sở nộp số tiền theo thông báo trên đây vào Kho bạc Nhà nước....., Tài khoản số:.....

Hạn nộp trước ngày... tháng... năm...

Ngày... tháng... năm 200.....

Chi cục trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mẫu này áp dụng để thông báo cho đối tượng nộp thuế là hộ kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức khoán ổn định.
- Chi cục Thuế ra thông báo phải ghi tên của Chi cục.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐĂNG KÝ ÁP DỤNG TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO
PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ THUẾ**

Kính gửi: Cục (Chi cục) thuế:

Mã số:

- Tên cơ sở kinh doanh:

- Địa chỉ:

- Ngành nghề kinh doanh chính là:

Hiện nay đang thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng hàng tháng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng; qua xem xét các điều kiện tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế, cơ sở chúng tôi đăng ký với cơ quan Thuế được áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

Thời gian xin được áp dụng: từ tháng.... năm....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện:

1. Mở sổ kế toán và ghi chép đúng chế độ.
2. Mua, bán hàng hóa, dịch vụ có hóa đơn chứng từ theo quy định.
3. Kê khai, nộp thuế đúng luật và chế độ quy định.

Nếu vi phạm luật thuế và các chế độ quy định, chúng tôi xin chịu xử lý theo pháp luật.

Ngày.....tháng.....năm.....

Chủ cơ sở kinh doanh đăng ký

Ý kiến của cơ quan Thuế:

Căn cứ vào Luật Thuế giá trị gia tăng và các quy định hướng dẫn thi hành.

Qua việc kiểm tra việc thực hiện các điều kiện tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế của cơ sở, Cục thuế (Chi cục Thuế) đồng ý và thông báo để cơ sở thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế từ tháng... năm...

Ngày... tháng... năm 200...

TM/ Cơ quan Thuế

(Ký tên, đóng dấu)

(Đã vào sổ ngày.....tháng.....năm 200...
và gửi cho cơ sở 01 bản)

Hướng dẫn: Cơ sở đăng ký lập 02 bản và gửi tới cơ quan Thuế quản lý cơ sở; cơ quan Thuế xem xét, nếu chấp nhận thì xác nhận và gửi cho cơ sở 01 bản, còn 01 bản lưu để theo dõi.

Cơ sở:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kính gửi: Cục thuế.....

- Tên cơ sở kinh doanh:.....

- Địa chỉ:.....

Mã số:

- Ngành nghề kinh doanh chính là:.....

- Số tài khoản:..... tại Ngân hàng (Kho bạc):

Đề nghị Cục thuế xét giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng cho cơ sở..... với số tiền là:..... đ.

Theo các trường hợp sau đây: (đơn vị giải trình cụ thể theo trường hợp đề nghị).

- Thí dụ:

+ Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế giá trị gia tăng đầu ra của các tháng... năm...

(Giải trình cụ thể do hàng hóa xuất khẩu lớn hay do kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thuế suất thấp...)

+ Thuế giá trị gia tăng đầu vào của các máy móc, thiết bị đầu tư lớn, cụ thể:

1. Giá trị máy móc, thiết bị đã đầu tư:

2. Thuế giá trị gia tăng đã trả:

3. Thuế giá trị gia tăng nộp bình quân

tháng của hàng hóa, dịch vụ bán ra:

+ Trường hợp và lý do khác:

Chúng tôi xin gửi kèm theo công văn đề nghị này các hồ sơ sau đây:

-

-

-

(Kê các hồ sơ gửi kèm theo)

Ngày... tháng... năm 200....

Giám đốc hoặc người đại diện

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi gửi:

-

Ngày nộp quyết toán:

...../...../.....

(Dùng cho cơ sở tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

QUYẾT TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

[01] Năm 200....

[02] Mã số thuế		Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam	
[03] Tên cơ sở kinh doanh:			
[04] Địa chỉ trụ sở:		[05] Quận/huyện:	
[06] Tỉnh/ Thành phố:		[07] Điện thoại:	
[08] Fax:		[09] E-Mail:	
Không có hoạt động mua, bán phát sinh trong năm (đánh dấu "X")		[10]	
Thuế Giá trị gia tăng còn được khấu trừ năm trước chuyển sang:		[11]	
Hàng hóa dịch vụ mua vào trong năm		Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
Trong đó: + Nhập khẩu		[12]	[25]
+ Tài sản cố định		[13]	[26]
Hàng hóa dịch vụ mua vào chịu thuế GTGT		[14]	[27]
Thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào khấu trừ trong năm		[15]	[28]
Điều chỉnh tăng (giảm) thuế GTGT đã được khấu trừ trong năm:			[29]
+ Điều chỉnh tăng		[16]	[30]
+ Điều chỉnh giảm		[17]	[31]
Tổng số thuế GTGT được khấu trừ trong năm [32] = [11] + [29] + [30] - [31]			[32]
Hàng hóa dịch vụ bán ra trong năm: [18] = [19] + [20] + [21] + [22];		[18]	
Thuế GTGT của HHĐV bán ra trong năm: [33] = [34] + [35]			[33]
Hàng hóa dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT		[19]	
Hàng hóa dịch vụ xuất khẩu: 0%		[20]	
Hàng hóa dịch vụ bán ra thuế suất 5%		[21]	[34]
Hàng hóa dịch vụ bán ra thuế suất 10%		[22]	[35]
Điều chỉnh tăng (giảm) thuế GTGT đầu ra đã kê khai năm trước:			
+ Điều chỉnh tăng		[23]	[36]
+ Điều chỉnh giảm		[24]	[37]
Thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước trong năm ([38] = [33] + [36] - [37] - [32] > 0)			[38]
Thuế GTGT chưa khấu trừ lũy kế đến năm ([39] = [33] + [36] - [37] - [32] < 0)			[39]
Số thuế GTGT để nghị hoàn trong năm			[40]
Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang năm sau [41] = [39] - [40]			[41]
<u>PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ:</u>		Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê., ngày.....thángnăm 200.... Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Năm 200.....

(Dùng cho cơ sở tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng
 và cơ sở kinh doanh vàng bạc, đá quý và ngoại tệ)

Tên cơ sở:

Mã số:

Địa chỉ:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng VN)
1	Hàng hóa tồn kho đầu năm	
2	Hàng hóa, dịch vụ mua trong năm	
3	Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra	
4	Tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra	
5	Giá trị gia tăng phát sinh trong năm ($5 = 4 - 3$)	
6	Thuế giá trị gia tăng phải nộp ($6 = 5 \times \text{thuế suất} (\%)$)	

Ngày... tháng... năm 200...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trường hợp là hộ kinh doanh thì chỉ cần chủ hộ kinh doanh ký và ghi rõ họ tên)

Yêu cầu kê khai:

- + Căn cứ vào sổ kế toán và chứng từ mua, bán hàng hóa, dịch vụ để kê khai.
- + Trường hợp cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có thuế suất khác nhau phải kê khai chi tiết hàng hóa, dịch vụ bán ra theo từng nhóm thuế suất, sau đó tổng hợp chung các loại hàng hóa, dịch vụ vào một bảng kê khai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUYẾT TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Năm 200.....

(Dùng cho cơ sở tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, giá trị gia tăng xác định theo tỷ lệ % tính trên doanh thu)

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Mã số:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng VN)
I	Thuế giá trị gia tăng	
1	Hàng hóa tồn kho đầu kỳ	
2	Hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	
3	Hàng hóa, dịch vụ mua ngoài tính trong giá trị hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra	
4	Tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra	
5	Tỷ lệ giá trị gia tăng trên doanh thu	
6	Giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ($6 = 4 * 5$)	
7	Thuế giá trị gia tăng phải nộp ($7 = 6 \times$ thuế suất (%))	
II	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
1	Doanh thu tính thuế	
2	Tỷ lệ % thu nhập chịu thuế tính trên doanh thu	
3	Thu nhập chịu thuế ($3 = 1 * 2$)	
4	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (%)	
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ($5 = 3 * 4$)	

Ngày... tháng... năm 200...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trường hợp là hộ kinh doanh thì chỉ cần chủ hộ kinh doanh ký và ghi rõ họ tên)

Yêu cầu kê khai:

- + Căn cứ vào sổ kế toán và chứng từ bán hàng hóa, dịch vụ để kê khai.
- + Trường hợp cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có thuế suất khác nhau phải kê khai chi tiết hàng hóa, dịch vụ bán ra theo từng nhóm thuế suất, sau đó tổng hợp chung các loại hàng hóa, dịch vụ vào một bảng kê khai.

TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CỤC THUẾ.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----@-----

Số: /200.../QĐ-CT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200.....

QUYẾT ĐỊNH CỦA CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ**Về việc hoàn thuế giá trị gia tăng****CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ**

- Căn cứ Điều 16 Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT); Điều 15 Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

- Căn cứ hướng dẫn tại Phần D Thông tư số 125/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ (nêu trên);

- Căn cứ vào Quyết định số 1362/1998/QĐ-BTC ngày 17/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế lập, quản lý, sử dụng Quỹ hoàn thuế giá trị gia tăng;

- Căn cứ vào công văn số..... ngày...../...../200... kèm theo hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng của.....(đơn vị)

- Theo đề nghị của Trưởng phòng.....:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn lại cho.....(đơn vị

Mã số thuế:

Số tiền thuế giá trị gia tăng là:

(Ghi bằng chữ.....)

(Nội dung, lý do hoàn thuế):

.....

.....

Điều 2. Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố)..... chịu trách nhiệm chi hoàn thuế cho đơn vị theo quy định tại Điều 1 Quyết định này, vào Tài khoản số..... tại Ngân hàng (hoặc Kho bạc).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Ông (Bà) Giám đốc doanh nghiệp (hoặc đơn vị).....; Ông (Bà) Trưởng phòng quản lý (nghiệp vụ), Ông (Bà) Trưởng phòng Kế hoạch - Kế toán - Thống kê, Máy tính và Ông (Bà) Trưởng Phòng hành chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Nơi nhận:

- Như Điều 1, Điều 3
- KBNN tỉnh, thành phố.....
- Chi cục Thuế (đối với trường hợp do Chi cục quản lý trực tiếp)
- Lưu Cục thuế:

DANH MỤC CÁC LOẠI HÓA CHẤT CƠ BẢN ÁP DỤNG THUẾ SUẤT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 5%

(ban hành kèm theo Thông tư số 120/2003/TT-BTC
ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính)

Tên hóa chất	Công thức hóa học hay ký hiệu
A - CÁC HÓA CHẤT CÔNG NGHIỆP	
I - Các loại axit	
1 - Axit clohydric	HCl
2 - Axit nitric	HNO ₃
3- Axit flosilicic	H ₂ SiF ₆
4- Axit Floric	HF
5- Axit phot phoric	H ₃ PO ₄
6- Axit sunfuric và clêum	H ₂ SO ₄ & H ₂ SO ₄ nSO ₃
II - Các loại Oxit	
7 - Crom oxit & anhydric criomic	Cr ₂ O ₃ & CrO ₃
8 - Chi oxit	PbO ₂
9 - Đồng oxit 1 và 2	Cu ₂ O & CuO
10 - Kẽm oxit	ZnO
11 - Magie oxit	MgO
12 - Nhôm oxit	Al ₂ O ₃
13 - Niken oxit	NiO
14 - Sắt oxit	Fe ₂ O ₃
15 - Titan dyoxit và Imenit làm giàu	TiO ₂ và TiO ₂ FeO ₂
16 - Mangan dioxit điện giải và làm giàu	MnO ₂
III - Các loại hydroxit	
17 - Amondydroxit và amoniac lỏng	NH ₄ OH và NH ₃
18 - Nhôm hydroxit	Al (OH) ₃
19 - Xút	NaOH
IV - Các loại muối hóa chất	
20 - Amon clorua CN và dùng cho sản xuất phân	NH ₄ Cl
21- Amon lcycacbonat	NH ₄ HCO ₃
22 - Bari clorua	BaCl ₂

Tên hóa chất	Công thức hóa học hay ký hiệu
23 - Bari cacbonat	BaCO_3
24 - Bạc nitrat	AgNO_3
25 - Canxicacbonat (bột nhẹ)	CaCO_3
26 - Canxi clorua	CaCl_2
27 - Can xi cacbur (đất đèn)	CaC_2
28 - Canxi hydrophotphat	CaHPO_4
29 - Canxi phot phat	$\text{Ca}_3\text{PO}_4\text{I}_2$
30 - Canxi florua	CaF_2
31 - Canxi mota silirat (CMS)	CaSiO_3
32 - Canxi hypo clorit (bột tẩy)	$\text{Ca}(\text{OCl})_2$
33- Coban clorua	$\text{CoCl}_2\cdot 6\text{H}_2\text{O}$
34 - Coban Sunfat	$\text{CoSO}_4\cdot 7\text{H}_2\text{O}$
35 - Chì cromat	PbCrO_4
36 - Chì nitrat	$\text{Pb}(\text{CO}_3)_2$
37 - Đồng clorua	$\text{CuCl}_2\cdot 2\text{H}_2\text{O}$
38 - Đồng Sunfat	$\text{CuSO}_4\cdot 5\text{H}_2\text{O}$
39 - Kẽm Clorua	ZnCl_2
40 - Kẽm Sunfat	$\text{ZnSO}_4\cdot 7\text{H}_2\text{O}$
41 - Kẽm cromat và dycromat	ZnCrO_4 và Cr_2O_3
42 - Kali clorat	KClO_3
43 - Kali lycromat	$\text{K}_2\text{O}_2\text{O}_7$
44 - Kali nitrat	KNO_3
45 - Kali hydrophotphat	KH_2O_4
46 - Kali photphat	K_3PO_4
47 - Magiê clorua	$\text{MgCl}_2\cdot 6\text{H}_2\text{O}$
48 - Magiê cacbonat	MgCO_3
49 - Magiê sunfat	$\text{MgSO}_4\cdot 7\text{H}_2\text{O}$
50 - Natri cacbonat (soda)	Na_2CO_3
51- Natri bycacbonat	NaHCO_3
52 - Natri sunfat	Na_2SO_4
53 - Natri sunfit	Na_2SO_3
54 - Natri bysunfit	NaHSO_3
55 - Natri thosunfat	$\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3\cdot 5\text{H}_2\text{O}$
56 - Natri bycromat	$\text{Na}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$
57- Natri Dicromat	$\text{Na}_2\text{Ck}_2\text{O}_7\cdot 2\text{H}_2\text{O}$
58 - Natri hypoclorit (nước giaven)	$\text{Na}(\text{OCl})$
59 - Natri florua	NaF
60 - Natri Flosilicat	Na_2SiF_6

Tên hóa chất		Công thức hóa học hay ký hiệu
61 - Natri hydrophotphat 62 - Natri photphat 63 - Natri tripolyphotphat 64 - Natri silicat dạng cục và dạng keo 65 - Natrisunfur 66 - Natri borac 67 - Natri nhôm clorua 68 - Nhôm nitrat 69 - Nhôm sunfat (phèn đơn) 70 - Nhôm kali sunfat (phèn kép) 71 - Sắt clorua 72 - Sắt sunfat 73 - Sắt amoni sunfat (phèn sắt amoni) 74 - Xanh phổ (belin leue) 75 - Sunfua cacbon (CS ₂)		Na_2HPO_4 Na_3PO_4 $\text{Na}_5\text{PO}_3\text{10}$ $\text{Na}_2\text{O.n.SiO}_2$ $\text{Na}_5\text{P}_3\text{O}_{10}$ Na_3BO_3 AlCl_3 và $\text{AlCl}_3.6\text{H}_2\text{O}$ $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$ $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3.18\text{H}_2\text{O}$ $\text{AlK}(\text{SO}_4)_2.12\text{H}_2\text{O}$ FeCl_3 $\text{FeSO}_4.7\text{H}_2\text{O}$ $\text{FeNH}_4(\text{SO}_4)_2.2\text{H}_2\text{O}$ $\text{Fe}_4\text{Fe}(\text{CN})_6$ CS_2
Khí kỹ nghệ và á kim		
76 - Clo lỏng và khí 77 - Cacbonic (rắn, lỏng và khí) 78 - Nitơ lỏng và khí 79 - Oxy 80 - Lưu huỳnh 81 - Graphit đã làm giàu 82 - Phốt pho vàng và đỏ		Cl_2 CO_2 N_2 O_2 S C P
Một số sản phẩm hữu cơ:		
83 - Khí Axetylen 84 - Naphtalen 85 - Benzen 86 - Xylen 87 - Etyl Alcol CN 88 - Glixerin 89 - Phenol 90 - Teppineol 91 - Tecpinhydrat 92 - Fermalin 93 - Axit axotie 94 - Axit hymic		O_2H_2 C_{10}H_8 C_6H_6 C_8H_{10} $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ $\text{O}_3\text{H}_5(\text{HO})_3$ $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ $\text{C}_{10}\text{H}_{17}\text{OH}$ $\text{C}_{10}\text{H}_{18}(\text{OH})_2.\text{H}_2\text{O}$ HCHO CH_3COOH

Tên hóa chất	Công thức hóa học hay ký hiệu
95- Axit stearic	$C_{17}H_{35}COOH$
96- Axit tezphatalic	$C_6H_4(COOH)_2$
97- Axit xalic..lic	
98- Menobenzen clorua	C_6H_5Cl
99- Bari stearat	$Bg(O_{17}H_{35}COO)_2$
100- Magie stearat	$Mg(C_{17}H_{35}COO)_2$
B- HÓA DƯỢC VÀ HÓA CHẤT TINH KHIẾT	
I- Axit tinh khiết và tinh khiết phân tích	
101- Axit boric	TK và TKP
102- Axit clohydric	H_3BO_3
103- Axit nitric	HCL
104- Axit sunfunric	HNO_3
105- Axit phôtphoric	H_2SO_4
	H_3PH_4
II- Oxit TK và TKP	
106- Canxi oxit	CaO
107- Đồng oxit 1 và 2	Cu_2 và CuO
108- Kẽm oxit	ZnO
Các loại hydroxit TK và TKP	
109- Amon hydroxit	NH_4OH
110- Brerihydroxit	$Ba(OH)_2 \cdot 8H_2O$
111- Canxi hydroxit	$Ca(OH)_2$
112- Nhôm hydroxit	$Al(OH)_3$
Các loại muối hóa chất TK và TKP	
113- Amon bycacbonat	NH_4CO_3
114- Amon clorua	NH_4Cl
115- Amon nitrat	NH_4NO_3
116- Amon hydro photphat	$(NH)_2H_2PO_4$
117- Amondyhydrophotphat	$NH_4H_2PO_4$
118- Bari clorua	$BaCl_2 \cdot 2H_2O$
119- Bari Nitrat	$Ba(NO_3)_2$
120- Bari sunfat	$BaSO_4 \cdot 5H_2O$
121- Bạc nitrat	$AgNO_3$
122- Canxi cacbonat	$CaCO_3$
123- Canxi (clorua)	$CaCl_2$

Tên hóa chất	Công thức hóa học hay ký hiệu
124- Canxi nitrat	$\text{Ca}(\text{NO}_3)_2 \cdot 4\text{H}_2\text{O}$
125- Đồng clorua	$\text{CuCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$
126- Đồng cacbonat	$\text{CuCO}_3 \cdot \text{Cu}(\text{OH})_2$
127- Đồng sunfat	$\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$
128- Kali clorua	KCL
129- Kali bycromat	$\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$
130- Kali hydrophôtphat	K_2HPO_4
131- Kali nitrat	KNO_3
132- Kali phemongant	KMnO_4
133- Kali Fericyanua	$\text{K}_3\text{Fe}(\text{CN})_6$
134- Kani ferocyanua	$\text{K}_4\text{Fe}(\text{CN})_6 \cdot 3\text{H}_2\text{O}$
135- Kali sunfat	K_2SO_4
136- Kẽm Clorua	ZnCl_2
137- Kẽm sunfat	$\text{ZnSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$
138- Magie Clorua	MgCl_2
139- Magie Sunfat	MgSO_4
140- Magie cacbonat	MgCO_3
141- Natri borac	$\text{Na}_2\text{B}_4\text{O}_7 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$
142- Natri hycacbonat	NaHCO_3
143- Natri kali cacbonat	NaCO_3
144- Natri Clorua	NaCL
145- Natri kali cacbonat	NaKCO_3
146- Natri Florua	NaF
147- Natri Flosilicat	Na_2SiF_6
148- Natri hydrophotphat	Na_2HPO_4
149- Natri phôtphat	Na_3PHO_4
150- Natri tripohyphotphat	$\text{Na}_5\text{P}_3\text{O}_{10}$
151- Natri leysumfit	NaHSO_3
152- Natri sunfit	Na_2SO_3
153- Natri thiosunfat	$\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$
154- Natri sunfat	Na_2SO_4
155- Nhôm Clorua	AlCl_3
156- Nhôm sunfat	$\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \cdot 18\text{H}_2\text{O}$
157- Nhôm Kalisunfat	$\text{AlK}(\text{SO}_4)_2 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$
158- Sắt 2 amon sunfat	$\text{Fe}(\text{NH}_4)_2(\text{SO}_4)2\text{H}_2\text{O}$
159- Sắt 2 amon sunfat	$\text{FeNH}_4(\text{SO}_4) \cdot 12\text{H}_2\text{O}$
160- Sắt 2 clorua	FeCl_3
161- Sắt 2 sunfat	FeSO_4

Tên hóa chất		Công thức hóa học hay ký hiệu
Một số sản phẩm hữu cơ		
162- Axeton		$C_3H_6O_2$
163- Benzen		C_6H_6
164- Toluen		C_7H_8
165- Xylen		C_8H_{10}
166- Metanol		CH_3OH
167- Etanol		C_2H_5OH
168- Butanol		C_4H_9OH
169- Glixerin		$C_3H_8O_3$
170- Phenol		C_6H_5OH
171- Tocpynell		$C_{10}H_{17}OH$
172- Tecpenhdrat		$C_{10}H_{17}(OH)2H_2O$
173- Formallin		CH_2O
174- Axit axetic		CH_3COOH
175- Axit xalixilic		$C_4H_9COOCH_3$
176- Butyl axetat		CCl_4
177- Tota clorua cacbon		$C_2H_2O_4 \cdot 2H_2O$
178- Axit oxlic		$ClCH_2COOH$
179- Axit monceloaxelic		$C_{17}H_{35}COOH$
180- Axit stearic		$NH_4CH_{18}COO$
181- Amon axetat		$(NH_4)2C_2O_4 \cdot 2H_2O$
182- Amon axatat		$K_2C_2O_4 \cdot H_2O$
183- Kali oxalat		$NaCH_3COO$
184- Natri Axetat		$Na_2C_2O_4$
185- Natri Axalat		$Mg(C_{17}H_{35}COO)_2$
186- Magie starat		$C_{24}H_{38}O_4$
187- Dioctyl Phthalate (DOP)		$C_8H_{18}O$
188- 2-Ethyl Hexanol (2-EH)		$C_{12}H_{28}O_4Ti$
189- Tetra Isopropyl Titanat (TPT)		
190-	Amoni bisunfit	$(NH_4) HSO_3$
191-	Antimoan trioxit	Sb_2O_3
192-	Asen trioxit (Thạch tín)	As_2O_3
193-	Axit Orthoboric	H_3BO_3
194-	Bari sunfat	$BaSO_4$
195-	Cadimi sunfua	CdS
196-	Canxi sunfat	$CaSO_4$

Tên hóa chất		Công thức hóa học hay ký hiệu
197-	Calcium sunphate	CaSO_4
198-	Chì (II) sunfat	PbSO_4
199-	Coban oxit	CoO
200-	Kali cacbonat	K_2CO_3
201	Kali clorua	KCl
202-	Kali cromat	K_2CrO_4
203-	Kali dihydro Photphat	KH_2PO_4
204-	Kali hydroxit	KOH
205-	Kali iodat	KIO_3
206-	Kali pemanganat	KMnO_4
207-	Kẽm cacbonat	ZnCO_3
208-	Kẽm nitrat	$\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$
209-	Liti hydroxit	LiOH
210-	Manhe nitrat	$\text{Mg}(\text{NO}_3)_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$
211-	Muội Axetylen (Noir Axetylen)	C
212-	Natri dihydro Photphat	$\text{NaH}_2\text{PO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$
213-	Natri hyposunfat	$\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_4$
214-	Natri nitrit	NaNO_2
215-	Natri photphat	Na_3PO_4
216-	Natri pyrosunfit	$\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$
217-	Natri tetraborat	$\text{Na}_2\text{B}_4\text{O}_7 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$
218-	Nhôm Amoni sunfat	$\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \cdot (\text{NH}_4)_2\text{SO}_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$
219-	Niken clorua	NiCl_2
220-	Niken sunfat	$\text{NiSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$
221-	Poly alumin clorua	$[\text{Al}_n(\text{OH})_m \text{Cl}_{3n-m} \cdot x\text{H}_2\text{O}]$
Hóa chất Hữu cơ kỹ thuật và tinh khiết		
222-	Andydric phtalic (AP)	$\text{C}_6\text{H}_4(\text{CO})_2\text{O}$
223-	Axit Citric	$\text{C}_3\text{H}_4(\text{OH})(\text{COOH})_3$
224-	Axit béo tổng hợp từ dầu mỡ	C_{17-21} (dùng làm thuốc tẩy quặng trong công nghiệp tẩy khoáng)
225-	Axit glutamic	$\text{C}_3\text{H}_5\text{NH}_2(\text{COOH})_2$
226-	Axit Oleic	$\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COOH}$
227-	Axit Oxalic	HOOC-COOH

Tên hóa chất		Công thức hóa học hay ký hiệu
228-	Buthyl acetat	$\text{CH}_3\text{COO}(\text{CH}_2)_3\text{CH}_3$
229-	Chì (II) Acetat	$\text{Pb}(\text{CH}_3\text{COO})_2 \cdot 3\text{H}_2\text{O}$
230-	Etyl benzen	C_8H_{10}
231-	Kali acetat	KCH_3COO
232-	Kali natri tartrat	$\text{KNaC}_4\text{H}_4\text{O}_6 \cdot 4\text{H}_2\text{O}$
233-	Linear Alkylbenzene (LAB)	
234-	Linear Alkylbenzene sunfonate (LAS)	
235-	Naphtalen	C_{10}H_8
236-	Naphtol	$\text{C}_{10}\text{H}_7\text{OH}$
237-	Natri salicilat	$\text{C}_7\text{H}_5\text{O}_3\text{Na}$
238-	Trinatri citrat	$\text{Na}_3\text{C}_6\text{H}_5\text{O}_7 \cdot 5,5\text{H}_2\text{O}$
239-	Vinyl clorua (monome) VCM	$(\text{CH}_2=\text{CH}-\text{Cl})$

Phụ lục số 2

DANH MỤC CÁC LOẠI DƯỢC LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT THUỐC CHỮA BỆNH, PHÒNG BỆNH ÁP DỤNG THUẾ SUẤT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 5%

(ban hành kèm theo Thông tư số 120/2003/TT-BTC
ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính)

- + Analgin
- + Anhydride Phthalic
- + Asprine (Acetyl Salicylate)
- + Astemizole
- + Atropin Sulphate
- + Codein
- + Caffeine Anhydrous
- + Chlopromazin HCL
- + Chloroquin Phosphat
- + Cinarizine (Cinnarizin)
- + D(-)P-Hydroxy Phenylglycine Dane Salt
- + Dextrose (Glucose)
- + Dimenhydrinate
- + Diphenylhydantoin Sodium (Phenytoin Sodium)
- + Ibuprofen
- + Indomethacin
- + Isoniazid (Isoniazide, Rimifon)
- + Ketoconazole
- + Lactose
- + Lnolin anhydrous
- + Manitol (Mannitol)
- + Methylene blue (Xanh Methylen)
- + Metronidazol
- + Naphazolin nitrat
- + Papaverine HCL
- + Paracetamol (Acetaminophen)
- + Petroleum Jelly (Vaselin)
- + Piperazin citrat
- + Piroxicam
- + Procain HCL (Novocain HCL)
- + Promethazine HCL
- + Phenobarbital
- + Quinine
- + Sodium Salicylate
- + Sparteine Sulphate
- + Sucralfate
- + Sulfadoxine
- + Sulfaguanidin
- + Sulfamethoxazole (Sulphamethoxazole)
- + Theophyllin
- + Trimethoprim (TMT)

Phụ lục số 3

DANH MỤC VŨ KHÍ, KHÍ TÀI DO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, BỘ CÔNG AN SẢN XUẤT, LẮP RÁP TRONG NƯỚC CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH KHÔNG CHỊU THUẾ

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(ban hành kèm theo Thông tư số 120/2003/TT-BTC

ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính)

Số thứ tự	Danh mục vũ khí, khí tài
1	Các loại súng(kể cả súng bắn điện, bắn đạn cay, bắn đạn cao su, bắn lưới, bắn móc neo, bắn đạn đánh dấu); pháo; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của súng, pháo.
2	Các loại đạn (trừ đạn thể thao), lựu đạn (kể cả đạn cay, đạn cao su, đạn lưới, đạn đánh dấu, lựu đạn cay), bom, mìn, thủy lôi, thủ pháo, tên lửa, rốc két, ống nổ, kíp nổ, ngòi nổ, quả nổ, hạt nổ, quả khói, dây cháy chậm, thuốc nổ, thuốc phóng, phụ kiện gây nổ và nguyên phụ liệu, phụ tùng kèm theo.
3	Các loại lưỡi lê, dao găm và các loại vũ khí thô sơ tương tự và phụ tùng; Bình xịt cay các loại, hơi cay và phụ tùng kèm theo.
4	Dùi cui, gậy điện và phụ tùng
5	Khóa số 8, còng, cùm và các công cụ hỗ trợ cho công tác bắt, dẫn giải, giam giữ.
6	Khiên, lá chắn, áo giáp chống đạn, quần áo dò chống bom, mìn, chất nổ; áo phao, quần áo lặn, mũ bảo hiểm chuyên dùng, mặt nạ phòng độc và các loại công cụ bảo vệ khác.
7	Thiết bị dùng để quan sát, loa pin, đèn pha, dây thép gai và các công cụ hỗ trợ khác.
8	Thiết bị phục vụ cho việc đột kích, xâm nhập và vây ráp mục tiêu của lực lượng đặc nhiệm: Bộ dụng cụ phá cửa và phá tường các loại; bộ dụng cụ đột phá xe, đột phá tàu thuyền và máy bay các loại; thang và bộ thang leo các loại; bộ dụng cụ treo và cứu nạn các loại; bộ đồ dây cho trực thăng; bộ đồ đột nhập; bộ đồ vây ráp, bộ đồ cứu nạn; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ.
9	Xe ô tô các loại (kể cả xe ô tô 2-3 bánh) , xe tăng, xe thiết giáp, xe đặc chủng, xe chỉ huy, phương tiện vận tải quân sự và phụ tùng kèm theo phục vụ chuyên dùng cho Cơ quan quốc phòng, an ninh.
10	Tàu thủy: tàu chiến, tàu đổ bộ, tàu vận tải quân sự, tàu hậu vệ, tàu quét mìn, các tàu quân sự khác, tàu tuần tra, tàu cao tốc, ca nô, thuyền máy, vỏ xuống, xuống máy, xuống cao tốc chống đạn, tàu cứu hộ, xuống cứu hộ, thiết bị và khí tài, phụ tùng trang bị cho các tàu nêu ra tại điểm này loại chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh.

Số thứ tự	Danh mục vũ khí, khí tài
11	Các loại máy bay và phụ tùng dùng cho quốc phòng và an ninh.
12	Máy móc, thiết bị, hệ thống điều khiển giao thông; Máy thông tin và vật tư kỹ thuật, phụ kiện đồng bộ cho hệ thống điều khiển thông tin; Trạm nguồn điện, hệ thống máy chỉ huy sử dụng cho quốc phòng, an ninh
13	Thiết bị và hệ thống thiết bị thu phát, ghi bí mật và phát hiện ghi bí mật; Thiết bị và hệ thống thiết bị ghi âm chuyên dụng sử dụng cho quốc phòng, an ninh.
14	Thiết bị và hệ thống thiết bị để giám sát các dịch vụ bưu chính - viễn thông: Fax, điện thoại, điện thoại di động, telex, thư tín,... và linh kiện, phụ tùng thay thế; Sản phẩm chụp ảnh hàng không, đo đạc khảo sát địa hình, hải đồ, không đồ, bản đồ phục vụ quốc phòng, an ninh
15	Thiết bị và hệ thống thiết bị giám sát Internet dùng cho quốc phòng, an ninh
16	Thiết bị quan sát ban đêm và máy phát nhiễu trắng; ra đa, thiết bị đo chuyên dùng trong phòng không, không quân. Các máy đo lường và phân tích tín hiệu, thiết bị thu bức xạ màn hình.
17	Máy và khí tài quang học; khí tài hóa học; khí tài công binh và phụ tùng
18	Hoá trang thiết bị nghiệp vụ, mực và giấy nghiệp vụ phục vụ cho quốc phòng, an ninh.
19	Thiết bị và hệ thống thiết bị bổ sung, thay thế cho các hệ thống thông tin, định vị giám sát tần số cho phản gián điện đài, thu vệ tinh; Thiết bị, và hệ thống thiết bị mã, dịch mã; Thiết bị, máy và phụ tùng phục vụ công tác cơ yếu.
20	Thiết bị, máy móc và hóa chất để kiểm tra, phát hiện, giám định và khám nghiệm các loại (vũ khí, tài liệu, chất nổ, chất cháy, ma túy, chất phóng xạ, tiền giả, đá quý, kim loại quý, giám định giện, vân tay và hóa chất,...); Cổng từ, máy đo nồng độ rượu và hóa chất, máy kiểm tra bom thư.
21	Mô hình học cụ, mục tiêu bay phục vụ huấn luyện và khí tài nguy trang
22	Thiết bị, hệ thống thiết bị sản xuất hộ chiếu, sản xuất Giấy chứng minh nhân dân và các loại thẻ PVC.
23	Thiết bị phục vụ cho việc đột nhập vào mục tiêu để lấy tài liệu: dụng cụ mở khóa, ống sai luồn và các thiết bị tương tự khác.
24	Thiết bị bảo vệ tài liệu (tem, foil, dây kim loại,...) chống giả hộ chiếu, thị thực, tài liệu khác.
25	Thiết bị bảo quản tài liệu, vật chứng nguy hiểm (hóa chất độc, chất phóng xạ, chất cháy nổ), vật chứng đặc biệt khác.
26	Tủ giá hồ sơ nghiệp vụ, thiết bị bảo quản tài liệu.
27	Thiết bị thông tin vệ sinh, vô tuyến, hữu tuyến và các loại thiết bị phụ trợ.

Số thứ tự	Danh mục vũ khí, khí tài
28	Máy tính điện tử, các thiết bị mạng và thiết bị ngoại vi; Phần mềm tin học phục vụ công tác quốc phòng, an ninh
29	Máy quang học, ống nhòm, kính tiềm vọng; Máy ảnh, máy quay phim, máy chiếu, máy móc thiết bị dùng trong phòng làm ảnh; Máy photocopy, máy sao chụp phụ tùng và các bộ phận phụ trợ chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh.
30	Thẻ từ, mã vạch, thẻ thông minh các loại; Máy ghi âm; Camera, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh.
31	Thiết bị báo động, báo cháy và bảo vệ chống trộm, chống đột nhập hoặc cứu hỏa, Hàng rào điện tử và các thiết bị tương tự; Phụ tùng và các bộ phận phụ trợ.
32	Phương tiện chữa cháy: Máy bay chữa cháy; Xe chữa cháy, xe chỉ huy chữa cháy; Tàu chữa cháy; Các phương tiện chữa cháy khác và phụ tùng; Vật tư phục vụ chữa cháy: hóa chất chữa cháy, bình chữa cháy, lăng vòi và các vật tư chữa cháy khác; Trang bị chữa cháy: Quần áo, găng tay, ủng chống cháy và các trang bị chống cháy khác.
33	Mô hình học cụ phục vụ huấn luyện trình sát và bắt khám xét.
34	Xuất bản, in, phát hành hồ sơ, tài liệu và sách nghiệp vụ phục vụ quốc phòng, an ninh.